Bản tin chứng quyền ngày 16/09/2020

Thanh khoản suy giảm trở lại

Diễn biến giằng co tại thị trường cơ sở tiếp diễn và khiến cho các giao dịch trên thị trường chứng quyền ảm đạm. Thanh khoản sụt giảm trở lại và không có nhiều diễn biến đáng chú ý trên thị trường chứng quyền hôm nay. Các chứng quyền của MWG được giao dịch khá tích cực và đều đồng loạt tăng điểm, trong khi các chứng quyền của HPG có sự phân hóa. Chúng tôi cho rằng thị trường cơ sở sẽ tiếp tục trạng thái giằng co cho tới hết tuần này và dòng tiền vẫn sẽ chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ, và điều này cũng sẽ khiến giao dịch trên thị trường chứng quyền chưa sôi động.

Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch

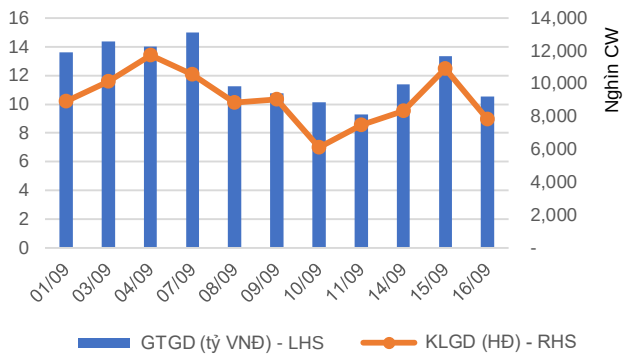

Phân bổ GTGD theo mã chứng quyền

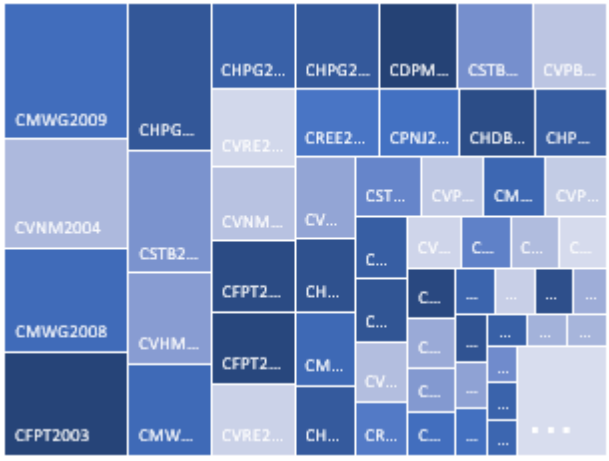

Phân bổ GTGD theo mã chứng khoán cơ sở

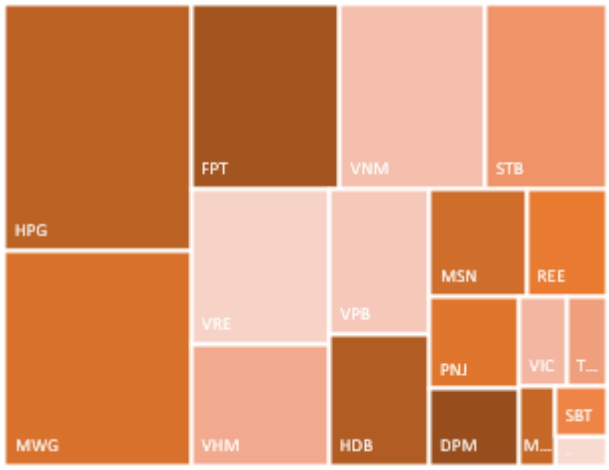

Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DICH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CCTD2001	-0.8%	1,290	80	-	OTM	28.7%	4.13	63	109%
CDPM2002	-6.7%	4,200	65,360	0.26	ITM	11.3%	3.39	63	89%
CFPT2003	5.0%	11,450	42,810	0.49	ITM	3.9%	4.93	36	68%
CFPT2006	3.3%	1,860	123,500	0.23	ITM	3.6%	5.88	29	63%
CFPT2007	4.3%	1,680	52,800	0.09	ITM	2.8%	5.78	25	65%
CFPT2008	4.8%	1,520	148,010	0.23	ITM	10.1%	4.57	84	53%
CHDB2003	-12.0%	1,100	182,160	0.20	OTM	15.0%	5.18	63	50%
CHDB2005	-6.7%	700	108,770	0.07	ITM	0.9%	9.81	11	45%
CHDB2006	-3.6%	2,700	62,400	0.17	ITM	0.8%	5.50	14	63%
CHDB2007	-6.2%	1,210	46,700	0.06	ITM	13.3%	3.47	157	51%
CHPG2002	-1.2%	1,640	82,110	0.13	ITM	10.2%	5.32	63	51%
CHPG2005	-1.1%	11,260	110	-	ITM	22.5%	2.19	9	500%
CHPG2008	0.5%	3,790	126,310	0.47	ITM	5.3%	5.96	51	46%
CHPG2009	-1.3%	3,940	71,350	0.28	ITM	23.0%	2.61	29	216%
CHPG2010	1.7%	1,170	660	-	OTM	25.1%	2.82	141	62%
CHPG2011	-0.4%	2,700	61,240	0.16	ITM	1.4%	5.48	22	58%
CHPG2012	0.5%	5,630	35,190	0.19	OTM	30.1%	1.85	87	110%
CHPG2013	-1.0%	6,920	480	-	ITM	25.2%	2.26	52	153%
CHPG2014	-0.9%	6,720	100	-	OTM	34.5%	1.77	152	96%
CHPG2015	0.8%	6,140	21,570	0.13	OTM	32.1%	1.83	117	102%
CHPG2016	-0.4%	2,570	19,860	0.05	OTM	32.1%	1.64	84	108%
CHPG2017	-7.7%	600	491,010	0.28	OTM	26.7%	3.01	109	58%
CHPG2018	0.0%	740	53,270	0.04	OTM	33.4%	2.60	170	56%
CMBB2003	-1.5%	1,310	21,610	0.03	ITM	6.7%	7.83	36	45%
CMBB2005	0.0%	-	-	-	OTM	10.5%		26	1%
CMBB2006	1.9%	1,070	62,100	0.07	ITM	3.0%	7.22	29	47%
CMBB2007	-2.2%	1,320	5,200	0.01	ITM	8.5%	4.88	84	48%
CMSN2001	-13.5%	450	66,030	0.03	OTM	23.9%	3.50	63	51%
CMSN2005	-4.4%	430	93,050	0.04	OTM	13.2%	5.58	29	54%
CMSN2006	-5.3%	1,260	106,800	0.14	OTM	13.5%	4.58	84	51%
CMSN2007	-1.0%	1,040	7,200	0.01	OTM	22.5%	2.84	157	63%
CMSN2008	-2.1%	1,410	118,880	0.17	ITM	9.4%	5.10	58	57%
CMSN2009	0.0%	-	-	-	OTM	12.9%		170	0%
CMWG2005	22.0%	2,990	590	-	ITM	3.6%	10.89	9	64%
CMWG2006	42.9%	300	10,450	-	OTM	17.9%	6.09	26	50%
CMWG2007	10.2%	12,010	23,790	0.29	ITM	4.7%	5.96	51	44%
CMWG2008	12.8%	1,230	416,910	0.50	ITM	2.9%	6.54	29	50%
CMWG2009	6.1%	1,740	380,610	0.65	ITM	1.4%	6.29	25	45%
CMWG2010	5.7%	1,840	46,020	0.08	ITM	6.1%	4.21	84	50%
CNVL2001	0.0%	-	-	-	OTM	3.3%		63	0%
CNVL2002	-1.2%	2,530	7,000	0.02	ITM	13.7%	3.89	123	59%
CPNJ2002	14.3%	320	19,050	0.01	OTM	14.7%	1.61	9	66%
CPNJ2003	-7.7%	120	1,060	-	OTM	24.5%	1.98	26	54%
CPNJ2005	6.4%	500	60,220	0.03	ITM	7.1%	7.11	29	56%
CPNJ2006	4.8%	870	71,410	0.06	ITM	11.5%	4.42	84	54%
CPNJ2007	5.0%	2,120	100,850	0.21	ITM	4.8%	5.04	45	60%
CREE2003	1.1%	1,890	120,340	0.22	ITM	1.2%	4.12	29	60%
CREE2004	-3.0%	3,200	34,690	0.11	ITM	0.3%	4.06	25	0%
CREE2005	-2.8%	2,070	270	-	ITM	4.6%	4.27	84	47%
CROS2002	0.0%	170	52,070	0.01	OTM	237.8%	0.00	63	190%
CSBT2001	25.0%	200	12,370	-	OTM	51.7%	0.44	63	59%
CSBT2007	-5.2%	920	117,390	0.10	OTM	27.0%	2.94	157	55%
CSTB2002	0.0%	1,190	22,130	0.02	OTM	13.2%	4.77	63	56%
CSTB2004	-5.8%	1,290	113,440	0.15	ITM	6.4%	6.12	51	47%
CSTB2005	7.5%	430	82,000	0.04	OTM	9.7%	6.25	32	59%
CSTB2006	-4.7%	810	1,340	-	OTM	25.6%	2.94	141	59%
CSTB2007	-0.8%	1,230	201,490	0.25	ITM	16.5%	3.14	157	59%

CSTB2008	0.0%	2,030	190,330	0.39	ITM	5.9%	4.84	45	66%
CTCB2003	0.0%	-	-	-	OTM	16.8%		26	1%
CTCB2005	-2.5%	1,550	20,080	0.03	OTM	10.0%	6.63	51	46%
CTCB2006	-0.5%	1,880	16,810	0.03	ITM	1.7%	5.42	29	51%
CTCB2007	-16.0%	1,580	50,030	0.08	ITM	8.2%	4.77	84	47%
CVHM2001	-1.0%	990	10	-	OTM	28.9%	2.00	63	67%
CVHM2002	0.2%	6,070	47,760	0.29	ITM	7.6%	7.16	51	41%
CVHM2003	-5.7%	990	61,450	0.06	ITM	3.5%	6.60	29	54%
CVHM2004	-14.3%	120	144,100	0.01	OTM	14.1%	2.50	11	67%
CVHM2005	0.0%	910	210,210	0.19	OTM	14.1%	4.42	84	53%
CVHM2006	3.1%	660	146,250	0.09	OTM	27.1%	2.60	157	64%
CVIC2001	10.8%	410	146,560	0.06	OTM	34.6%	1.32	63	51%
CVIC2003	0.0%	260	345,700	0.05	OTM	10.6%	3.57	11	69%
CVIC2004	1.3%	770	70,460	0.05	OTM	20.8%	3.18	157	55%
CVJC2001	0.0%	-	-	-	OTM	62.0%		63	3%
CVJC2002	0.0%	-	-	-	OTM	8.5%		29	1%
CVJC2003	0.0%	80	264,320	0.02	OTM	16.2%	0.39	11	59%
CVJC2004	1.2%	850	11,680	0.01	OTM	24.0%	2.78	157	58%
CVNM2002	-4.4%	1,290	19,070	0.02	OTM	17.3%	4.54	63	46%
CVNM2004	-0.1%	14,980	35,050	0.52	ITM	5.7%	6.37	51	46%
CVNM2005	-2.4%	2,460	42,540	0.10	ITM	2.7%	4.99	29	68%
CVNM2006	6.1%	350	21,320	0.01	OTM	8.5%	5.74	11	62%
CVNM2007	0.0%	1,430	5,120	0.01	OTM	23.3%	2.99	123	55%
CVNM2008	-4.9%	1,960	57,710	0.12	ITM	7.6%	4.92	84	48%
CVNM2009	-2.6%	2,240	107,410	0.24	ITM	4.2%	5.06	58	50%
CVPB2006	-2.6%	1,500	171,150	0.25	OTM	10.9%	6.99	51	45%
CVPB2007	1.1%	960	148,220	0.14	ITM	6.2%	7.31	29	52%
CVPB2008	-1.8%	1,660	12,320	0.02	ITM	10.1%	4.51	84	51%
CVPB2009	-3.4%	2,000	70,660	0.14	ITM	5.2%	4.77	45	62%
CVRE2001	50.0%	30	411,440	0.01	OTM	27.7%	0.00	1	291%
CVRE2003	-10.5%	340	190,990	0.07	OTM	33.8%	3.21	63	52%
CVRE2005	-2.0%	2,870	5,900	0.02	ITM	6.8%	6.40	51	45%
CVRE2006	0.6%	1,580	146,280	0.23	ITM	1.5%	4.48	29	59%
CVRE2007	0.0%	680	162,690	0.11	OTM	27.1%	3.17	141	56%
CVRE2008	-0.8%	1,310	193,090	0.25	ITM	8.1%	4.21	84	54%
CVRE2009	1.0%	1,050	97,750	0.10	OTM	25.4%	2.80	179	60%
CVRE2010	23.3%	1,110	17,700	0.02	OTM	19.2%	3.36	109	63%

Nguồn: Fiinpro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.
Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro.\

BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	*Upside ngắn hạn so với giá hiện tại*	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
DPM	14.05	16.90	TĂNG	TĂNG	15.29	9%	16.24	(0.57)
FPT		50.50	GIẢM	TĂNG			50.75	-
HPG	23.00	24.70	TĂNG	TĂNG	26.11	14%	24.09	(2.85)
MBB	16.55	18.10	TĂNG	TĂNG	18.58	12%	17.61	(1.91)
MSN	54.00	54.90	TĂNG	TĂNG	61.84	15%	53.32	11.47
MWG	79.20	94.60	TĂNG	TĂNG	90.97	15%	89.76	(1.11)
NVL	53.00	63.80	TĂNG	TĂNG	59.59	12%	61.83	(0.75)
PNJ	54.90	60.70	TĂNG	TĂNG	60.31	10%	58.06	(1.71)
REE	33.70	39.00	TĂNG	TĂNG	38.49	14%	37.47	(1.27)
STB	11.05	11.55	TĂNG	TĂNG	12.50	13%	11.03	70.72
VHM		77.20	GIẢM	TĂNG			80.12	-
VIC	89.00	95.50	TĂNG	TĂNG	101.21	14%	90.07	(11.39)
VNM	111.30	124.20	TĂNG	TĂNG	123.25	11%	122.48	(1.07)
VJC	101.00	106.90	TĂNG	TĂNG	111.17	10%	103.87	(3.55)
VRE	28.10	28.90	TĂNG	TĂNG	31.01	10%	27.53	5.11

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẦM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS

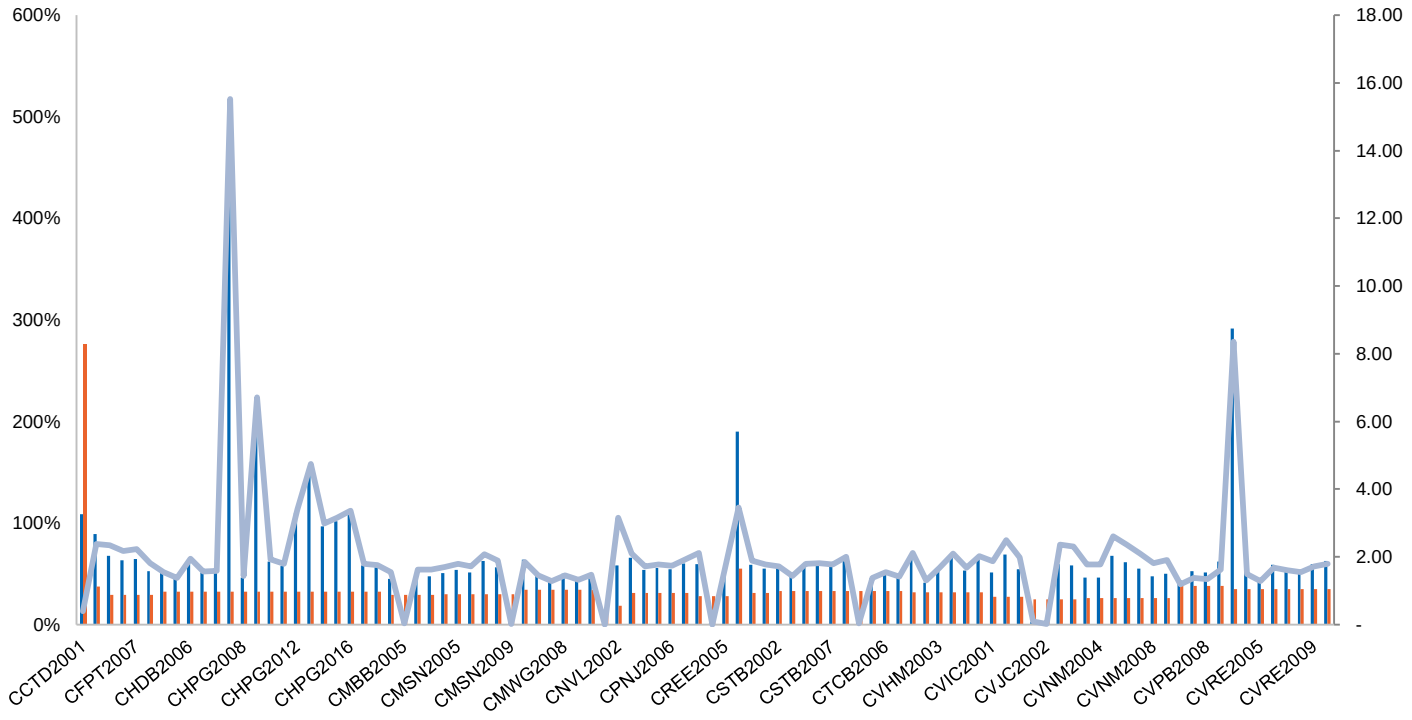

Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dụng "Độ biến động ngầm định" để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CCTD2001	KISVN	8 tháng	10.00000 : 1	1,540	1,000,000	80,888	14/12/2020
CDPM2002	KISVN	11 tháng	0.96670 : 1	1,700	2,000,000	14,744	14/12/2020
CFPT2003	SSI	7 tháng	0.85360 : 1	7,300	2,000,000	42,680	05/11/2020
CFPT2006	HCM	6 tháng	4.26790 : 1	1,500	5,000,000	44,386	27/10/2020
CFPT2007	MBS	4 tháng	5.00000 : 1	1,690	3,000,000	43,500	21/10/2020
CFPT2008	HCM	6 tháng	5.00000 : 1	1,500	5,000,000	48,000	12/01/2021
CHDB2003	KISVN	11 tháng	2.00000 : 1	2,700	2,000,000	32,123	14/12/2020
CHDB2005	KISVN	4 tháng	4.00000 : 1	1,080	1,500,000	27,327	01/10/2020
CHDB2006	MBS	3.5 tháng	2.00000 : 1	2,180	2,000,000	24,700	06/10/2020
CHDB2007	KISVN	9 tháng	5.00000 : 1	1,300	2,000,000	27,772	23/04/2021
CHPG2002	KISVN	11 tháng	1.63620 : 1	1,700	3,000,000	24,542	14/12/2020
CHPG2005	VND	6 tháng	1.00000 : 1	2,100	2,000,000	19,000	29/09/2020
CHPG2008	SSI	6 tháng	0.81810 : 1	4,100	5,000,000	22,907	26/11/2020
CHPG2009	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,600	5,000,000	22,500	27/10/2020
CHPG2010	KISVN	10 tháng	3.27240 : 1	1,800	2,000,000	27,079	01/04/2021
CHPG2011	MBS	3.5 tháng	1.63620 : 1	2,350	4,000,000	20,616	16/10/2020
CHPG2012	SSI	6 tháng	1.00000 : 1	6,100	3,000,000	26,500	15/01/2021
CHPG2013	SSI	4.5 tháng	1.00000 : 1	6,900	3,000,000	24,000	27/11/2020
CHPG2014	SSI	9 tháng	1.00000 : 1	7,200	3,000,000	26,500	16/04/2021
CHPG2015	SSI	7.5 tháng	1.00000 : 1	6,700	3,000,000	26,500	26/02/2021
CHPG2016	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	2,200	5,000,000	27,500	12/01/2021
CHPG2017	KISVN	6 tháng	4.00000 : 1	1,000	3,000,000	28,888	16/02/2021
CHPG2018	KISVN	9 tháng	4.00000 : 1	1,200	3,000,000	29,999	12/05/2021
CMBB2003	SSI	7 tháng	1.00000 : 1	2,000	3,000,000	18,000	05/11/2020
CMBB2005	VCI	6 tháng	1.00000 : 1	2,000	1,500,000	20,000	22/10/2020
CMBB2006	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,100	5,000,000	16,500	27/10/2020
CMBB2007	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,400	5,000,000	17,000	12/01/2021
CMSN2001	KISVN	11 tháng	5.00000 : 1	2,300	2,000,000	65,789	14/12/2020
CMSN2005	HCM	6 tháng	5.00000 : 1	2,100	5,000,000	60,000	27/10/2020
CMSN2006	HCM	6 tháng	5.00000 : 1	1,900	5,000,000	56,000	12/01/2021
CMSN2007	KISVN	9 tháng	10.00000 : 1	1,400	3,000,000	56,868	23/04/2021
CMSN2008	MBS	4 tháng	5.00000 : 1	1,530	1,500,000	53,000	07/12/2020
CMSN2009	KISVN	9 tháng	10.00000 : 1	1,200	3,000,000	61,999	12/05/2021
CMWG2005	VND	6 tháng	2.00000 : 1	2,500	1,000,000	92,000	29/09/2020
CMWG2006	VCI	6 tháng	5.00000 : 1	2,000	1,500,000	110,000	22/10/2020
CMWG2007	SSI	6 tháng	1.00000 : 1	12,900	2,000,000	87,000	26/11/2020
CMWG2008	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,300	5,000,000	85,000	27/10/2020
CMWG2009	MBS	4 tháng	8.00000 : 1	1,600	4,000,000	82,000	21/10/2020
CMWG2010	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,400	5,000,000	82,000	12/01/2021
CNVL2001	KISVN	11 tháng	4.00000 : 1	2,300	2,000,000	65,888	14/12/2020
CNVL2002	KISVN	9 tháng	5.00000 : 1	2,000	1,500,000	59,889	08/03/2021
CPNJ2002	VND	6 tháng	2.00000 : 1	2,400	1,000,000	69,000	29/09/2020
CPNJ2003	VCI	6 tháng	5.00000 : 1	2,000	1,500,000	75,000	22/10/2020
CPNJ2005	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,000	5,000,000	60,000	27/10/2020
CPNJ2006	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,000	5,000,000	59,000	12/01/2021
CPNJ2007	MBS	3.5 tháng	5.00000 : 1	1,670	2,500,000	53,000	18/11/2020
CREE2003	HCM	6 tháng	5.00000 : 1	1,000	5,000,000	30,000	27/10/2020
CREE2004	MBS	4 tháng	3.00000 : 1	1,570	1,500,000	29,500	21/10/2020
CREE2005	HCM	6 tháng	4.00000 : 1	1,300	5,000,000	32,500	12/01/2021
CROS2002	KISVN	8 tháng	1.00000 : 1	1,000	2,000,000	7,227	14/12/2020

CSBT2001	KISVN	11 tháng	1.00000 : 1	2,900	2,000,000	21,111	14/12/2020
CSBT2007	KISVN	9 tháng	2.00000 : 1	1,700	2,000,000	15,999	23/04/2021
CSTB2002	KISVN	11 tháng	1.00000 : 1	1,700	3,000,000	11,888	14/12/2020
CSTB2004	SSI	6 tháng	1.00000 : 1	1,400	5,000,000	11,000	26/11/2020
CSTB2005	KISVN	5 tháng	2.00000 : 1	1,080	2,000,000	11,811	30/10/2020
CSTB2006	KISVN	10 tháng	2.00000 : 1	1,580	2,000,000	12,888	01/04/2021
CSTB2007	KISVN	10 tháng	2.00000 : 1	1,500	3,000,000	10,999	23/04/2021
CSTB2008	MBS	3.5 tháng	1.00000 : 1	1,500	1,000,000	10,200	18/11/2020
CTCB2003	VCI	6 tháng	1.00000 : 1	2,000	1,500,000	25,000	22/10/2020
CTCB2005	SSI	6 tháng	1.00000 : 1	3,000	3,000,000	22,000	26/11/2020
CTCB2006	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,200	5,000,000	18,000	27/10/2020
CTCB2007	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,700	5,000,000	20,000	12/01/2021
CVHM2001	KISVN	11 tháng	5.00000 : 1	3,100	2,000,000	94,567	14/12/2020
CVHM2002	SSI	6 tháng	1.00000 : 1	11,500	1,500,000	77,000	26/11/2020
CVHM2003	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,000	5,000,000	70,000	27/10/2020
CVHM2004	KISVN	4 tháng	10.00000 : 1	1,490	1,500,000	86,868	01/10/2020
CVHM2005	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,400	5,000,000	79,000	12/01/2021
CVHM2006	KISVN	9 tháng	20.00000 : 1	1,000	3,000,000	84,888	23/04/2021
CVIC2001	KISVN	11 tháng	5.00000 : 1	3,800	2,000,000	126,468	14/12/2020
CVIC2003	KISVN	4 tháng	10.00000 : 1	1,670	1,500,000	103,050	01/10/2020
CVIC2004	KISVN	9 tháng	20.00000 : 1	1,000	3,000,000	99,999	23/04/2021
CVJC2001	KISVN	11 tháng	10.00000 : 1	2,400	2,000,000	173,137	14/12/2020
CVJC2002	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,900	5,000,000	116,000	27/10/2020
CVJC2003	KISVN	4 tháng	10.00000 : 1	1,670	1,500,000	123,456	01/10/2020
CVJC2004	KISVN	9 tháng	20.00000 : 1	1,200	2,000,000	115,511	23/04/2021
CVNM2002	KISVN	11 tháng	4.93550 : 1	3,200	3,000,000	139,291	14/12/2020
CVNM2004	SSI	6 tháng	0.98710 : 1	17,500	2,000,000	116,478	26/11/2020
CVNM2005	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,500	5,000,000	103,000	27/10/2020
CVNM2006	KISVN	4 tháng	10.00000 : 1	1,530	2,000,000	131,313	01/10/2020
CVNM2007	KISVN	9 tháng	10.00000 : 1	2,400	2,000,000	138,888	08/03/2021
CVNM2008	HCM	6 tháng	10.00000 : 1	1,800	5,000,000	114,000	12/01/2021
CVNM2009	MBS	4 tháng	10.00000 : 1	1,810	3,000,000	107,000	07/12/2020
CVPB2006	SSI	6 tháng	1.00000 : 1	3,400	5,000,000	24,000	26/11/2020
CVPB2007	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,700	5,000,000	22,500	27/10/2020
CVPB2008	HCM	6 tháng	2.00000 : 1	1,800	5,000,000	22,000	12/01/2021
CVPB2009	MBS	3.5 tháng	2.00000 : 1	1,630	2,000,000	20,200	18/11/2020
CVRE2001	KISVN	9 tháng	4.00000 : 1	1,500	8,000,000	36,789	17/09/2020
CVRE2003	KISVN	11 tháng	2.00000 : 1	3,000	3,000,000	37,999	14/12/2020
CVRE2005	SSI	6 tháng	1.00000 : 1	4,000	1,500,000	28,000	26/11/2020
CVRE2006	HCM	6 tháng	4.00000 : 1	1,100	5,000,000	23,000	27/10/2020
CVRE2007	KISVN	10 tháng	5.00000 : 1	1,520	2,000,000	33,333	01/04/2021
CVRE2008	HCM	6 tháng	4.00000 : 1	1,200	5,000,000	26,000	12/01/2021
CVRE2009	KISVN	10 tháng	5.00000 : 1	1,400	3,000,000	30,999	25/05/2021
CVRE2010	KISVN	6 tháng	4.00000 : 1	1,100	2,000,000	29,999	16/02/2021

Nguồn: Fiinpro, YSVN

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh
Giám đốc Nghiên cứu Phân tích
+84 28 3622 6868 ext 3826
minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền
Trưởng phòng NC-PT
+84 28 3622 6868 ext 3908
hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh
Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3833
khanh.quach@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát
Chuyên viên phân tích cao cấp
+84 28 3622 6868 ext 3880
phat.pham@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng
Chuyên viên phân tích
+84 28 3622 6868 ext 3832
hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng
Giám đốc Môi giới Hội Sở
+84 28 3622 6868 ext 3609
tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa
Giám đốc Khối khách hàng người Hoa
+84 28 3622 6868 ext 3828
hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế
Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn
+84 28 3622 6868
que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang
Giám đốc chi nhánh Hà Nội
+84 28 3622 6868 ext 3404
quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy
Giám đốc chi nhánh Bình Dương
+84 28 3622 6868 ext 3505
thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong
Giám đốc chi nhánh Đồng Nai
+84 28 3622 6868
phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn
Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội
+84 28 3622 6868 ext 3409
hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn
Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng
+84 28 3622 6868 ext 3301
tuan.vo@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12-month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2020 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.